

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *07* /2003/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày *31* tháng *3* năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Về việc phê duyệt bản Điều lệ của
Hội Y tế công cộng Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

- Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội,
- Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ,
- Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Y tế công cộng Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ tổ chức phi chính phủ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt bản Điều lệ của Hội Y tế công cộng Việt Nam đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ I ngày 3 tháng 12 năm 2002 thông qua.

Điều 2: Chủ tịch Hội Y tế công cộng Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*lam*

K/T BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- Lưu VT, TCPCP. *nam*


Đặng Quốc Tiến

ĐIỀU LỆ

HỘI Y TẾ CÔNG CỘNG VIỆT NAM

CHƯƠNG I

TÊN HỘI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1: Hội lấy tên là **Hội Y tế công cộng Việt Nam**.

Tên giao dịch quốc tế: **Viet Nam Public Health Association**.

Điều 2: Hội Y tế công cộng Việt Nam là một tổ chức xã hội, nghề nghiệp tự nguyện của công dân, tổ chức, hoạt động trong các lĩnh vực thuộc hệ thống Y tế công cộng Việt Nam.

Điều 3: Mục đích hoạt động của Hội Y tế công cộng Việt Nam:

Tập hợp, đoàn kết những người làm công tác thuộc lĩnh vực Y tế công cộng nhằm hợp tác, giúp đỡ nhau góp phần chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, phát triển chuyên ngành Y tế công cộng trong nước, hội nhập với khu vực và thế giới.

Bảo vệ và chăm lo những quyền lợi vật chất và tinh thần chính đáng cho hội viên.

Điều 4: Hội Y tế công cộng Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước thuộc lĩnh vực Y tế công cộng, trụ sở Trung ương Hội đặt tại Hà Nội, có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng, cơ quan ngôn luận và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

Hội Y tế công cộng Việt Nam được gia nhập các tổ chức xã hội trong nước, các Hội Y tế công cộng khu vực và Thế giới theo qui định của pháp luật.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 5: Nhiệm vụ của Hội:

1. Đoàn kết hội viên, giúp đỡ nhau nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động Y tế công cộng, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp. Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước trong quản lý hoạt động Y tế công cộng và hành nghề của các hội viên.

2. Tham gia đóng góp ý kiến vào những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về chiến lược chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân trong hệ thống Y tế công cộng.

3. Tham gia truyền thông giáo dục sức khỏe cho nhân dân, bảo vệ quyền lợi của những người hoạt động trong lĩnh vực Y tế công cộng.

4. Nghiên cứu khoa học, phổ biến kinh nghiệm, phối hợp đào tạo, nâng cao năng lực hoạt động trong lĩnh vực Y tế công cộng.

5. Hợp tác và trao đổi kinh nghiệm với các Hội liên quan trong và ngoài nước phù hợp với luật pháp của Nước CHXHCNVN, nhằm đưa Y tế công cộng Việt Nam hội nhập với cộng đồng quốc tế.

6. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của các hội viên theo Điều lệ Hội Y tế công cộng Việt Nam.

Điều 6: Quyền của Hội:

1. Đại diện cho các tổ chức, hội viên trong các hoạt động có liên quan đến tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ của Hội Y tế công cộng Việt Nam.

2. Hợp đồng nghiên cứu khoa học, triển khai các đề tài, cung cấp dịch vụ với các tổ chức hay cá nhân có nhu cầu theo qui định của Pháp luật hiện hành.

3. Bảo trợ cho các tổ chức và hội viên triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học, dự án thuộc lĩnh vực Y tế công cộng khi được mời.

4. Chủ động tham gia xây dựng các chương trình, dự án trong lĩnh vực y tế công cộng để kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước những giải pháp nhằm phát triển ngành Y tế công cộng.

5. Được phép xuất bản sách, tạp chí của Hội theo qui định của Pháp luật.

6. Tổ chức tập huấn, hội thảo phổ biến kiến thức thông tin mới trong lĩnh vực Y tế công cộng.

7. Khen thưởng và đề xuất các cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với các tổ chức, hội viên có thành tích trong việc thực hiện tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ của Hội Y tế công cộng Việt Nam.

8. Xử lý kỉ luật đối với các tổ chức, hội viên có vi phạm điều lệ Hội.

CHƯƠNG III

HỘI VIÊN

Điều 7: Hội viên Hội Y tế công cộng Việt Nam:

1. **Hội viên tổ chức:** Các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực Y tế công cộng thừa nhận điều lệ Hội Y tế công cộng Việt Nam, tự nguyện hoạt động cho Hội, có đơn xin gia nhập Hội, cử người đại diện tham gia Hội, thì được xét kết nạp vào Hội sau khi được Ban Thường vụ Hội thông qua.

2. **Hội viên cá nhân:** Công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực Y tế công cộng, thừa nhận điều lệ Hội Y tế công cộng Việt Nam, tự nguyện làm đơn xin gia nhập để được xét kết nạp vào Hội.

3. **Hội viên tán trợ:** Các tổ chức, công dân Việt Nam, công dân Việt Nam ở nước ngoài, thừa nhận điều lệ Hội Y tế công cộng Việt Nam và tài trợ cho hoạt động của Hội được xét công nhận là “Hội viên tán trợ” sau khi được Ban Thường vụ thông qua.

4. **Hội viên danh dự:** Những cá nhân có đóng góp lớn cho sự nghiệp Y tế công cộng sẽ được Ban Thường vụ mời tham gia là “Hội viên danh dự” của Hội.

Hội viên tán trợ và Hội viên danh dự không được tham gia ứng cử, đề cử vào ban lãnh đạo Hội và không được biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 8: Nhiệm vụ của hội viên:

1. Tôn trọng tôn chỉ mục đích, chấp hành Điều lệ, các nghị quyết của Hội.
2. Tham gia tích cực vào các công việc của Hội.
3. Tuyên truyền phát triển hội viên, bảo vệ danh dự, uy tín của Hội.
4. Đoàn kết, tương trợ với đồng nghiệp trong và ngoài Hội.
5. Tham gia sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở của Hội, đóng hội phí đầy đủ.

Điều 9: Quyền lợi của hội viên:

1. Tham gia thảo luận, biểu quyết mọi công việc của Hội, được ứng cử, đề cử và tham gia bầu Ban chấp hành các cấp của Hội.

2. Được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, được khuyến khích và tạo điều kiện để phát huy khả năng về mọi mặt liên quan đến nghề nghiệp.

3. Được Hội bảo trợ, tạo điều kiện tiến hành nghiên cứu và công bố kết quả nghiên cứu khoa học cũng như bảo vệ quyền tác giả.

4. Được Hội bảo vệ những quyền lợi hợp pháp chính đáng trong nghề nghiệp.

5. Được hưởng mọi quyền lợi khác do Hội qui định

6. Được xin ra khỏi Hội.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 10: Tổ chức và hoạt động của Hội theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải kinh phí. Tổ chức của Hội bao gồm:

1. Ở Trung ương : Hội Y tế cộng đồng Việt Nam.
2. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: (sau đây gọi chung là tỉnh) là Hội Y tế công cộng tỉnh.
3. Ở cơ sở: Chi hội; Các tổ chức cơ sở có từ 5 hội viên trở lên có thể thành lập Chi hội.

Ở tỉnh nếu có nhu cầu thì thành lập Hội Y tế cộng đồng tỉnh. Việc thành lập do Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật. Hội ở tỉnh tán thành điều lệ Hội Y tế cộng đồng Việt Nam, làm đơn xin gia nhập thì được công nhận là Hội thành viên.

Điều 11: Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Y tế cộng đồng Việt Nam là Đại hội đại biểu toàn quốc, nhiệm kỳ 5 năm. Đại hội bất thường được triệu tập khi có trên 1/2 số uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Hội yêu cầu. Thành phần, số lượng đại biểu dự đại hội do Ban chấp hành đương nhiệm của Trung ương Hội qui định.

Nhiệm vụ của Đại hội :

- Tổng kết, đánh giá hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ đã qua, bàn phương hướng, kế hoạch hành động của nhiệm kỳ mới.
- Thông qua, sửa đổi Điều lệ (nếu có)
- Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Trung ương Hội.
- Quyết định những vấn đề quan trọng về tôn chỉ mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội.

Điều 12: Ban chấp hành trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai nhiệm kỳ đại hội. Số lượng uỷ viên Ban chấp hành trung ương Hội do Đại hội ấn định và trực tiếp bầu.

Ban chấp hành có nhiệm vụ:

- Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội.
- Lãnh đạo thực hiện điều lệ của Hội

- Phát triển mối quan hệ với các tổ chức trong và ngoài nước, góp phần phát triển Hội.

- Quản lý hoạt động các Hội cấp tỉnh, và các Tiểu ban chuyên môn.

- Bầu Ban thường vụ Trung ương Hội và Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký.

- Ban chấp hành Trung ương Hội họp định kỳ 6 tháng 1 lần. (trừ trường hợp đột xuất)

Điều 13: Cơ quan thường trực của Ban chấp hành Trung ương Hội là Ban thường vụ, gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số uỷ viên, số lượng Ban Thường vụ không quá 1/3 tổng số uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Hội.

Ban Thường vụ Hội có nhiệm vụ:

- Lãnh đạo thực hiện các quyết định của Ban chấp hành Trung ương Hội giữa hai kỳ họp của Ban chấp hành.

- Công nhận Ban chấp hành Hội cấp tỉnh và cấp thể hội viên

- Lập kế hoạch, báo cáo hoạt động của Hội theo qui định của Ban chấp hành Trung ương Hội.

- Theo dõi hoạt động của các Hội cấp tỉnh và các Tiểu ban chuyên môn.

- Ban Thường vụ họp định kỳ 3 tháng 1 lần. Khi cần thiết theo đề nghị của Chủ tịch và Tổng Thư ký, Ban thường vụ có thể triệu tập họp bất thường.

Điều 14: Chủ tịch Hội do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra trong số các uỷ viên thường vụ, chủ trì các cuộc họp của Ban chấp hành Trung ương Hội và Ban thường vụ Hội, điều hành việc triển khai các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Hội và Ban thường vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của hội.

Điều 15: Phó Chủ tịch do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra, được Chủ tịch Hội phân công lãnh đạo từng mặt hoạt động của Hội.

Điều 16: Tổng Thư ký do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra, thường trực giải quyết các công việc của Hội do Chủ tịch phân công và điều hành mọi hoạt động văn phòng Trung ương Hội.

Điều 17: Khi cần thiết, theo đề nghị của Tổng Thư ký Hội, Ban Thường vụ Hội có thể xem xét và quyết định thành lập các Tiểu ban chuyên môn, các tổ chức phục vụ cho công tác phát triển Hội. Việc thành lập theo quy định của Pháp luật.

Điều 18. Ban kiểm tra:

Ban chấp hành bầu ra ban kiểm tra, Ban kiểm tra có nhiệm vụ:

-Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đại hội, điều lệ, quy chế và chương trình công tác hàng năm của Hội.

-Kiểm tra Hội viên trong các hoạt động để biểu dương khen thưởng, đồng thời phát hiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật để kịp thời chấn chỉnh.

-Kiểm các hoạt động kinh tế, tài chính của hội và các tổ chức trực thuộc hội; xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu tố.

CHƯƠNG V

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 19: Tổ chức, hội viên có nhiều thành tích được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 20: Tổ chức, hội viên làm tổn hại đến uy tín, thanh danh của Hội, làm trái với điều lệ, Nghị quyết của Hội thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ. Trường hợp có gây thiệt hại về vật chất, ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường theo Pháp luật.

Điều 21: Các tổ chức thành viên, cá nhân của Hội trong 1 năm không nộp Hội phí hoặc không sinh hoạt 3 kì liên tiếp không có lí do, thì bị xoá tên trong danh sách hội viên.

CHƯƠNG VI

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 22: *Nguồn thu của Hội:*

- Hội phí của hội viên thu mỗi năm 1 lần (mức thu cụ thể do Ban chấp hành Trung ương Hội qui định).

- Thu từ các hoạt động của Hội như dịch vụ, tư vấn, xuất bản, hội thảo, mở lớp bồi dưỡng, huấn luyện ...

- Tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Các khoản chi của Hội gồm chi cho hoạt động khoa học kỹ thuật và hoạt động tư vấn, dịch vụ, công tác truyền thông, phổ biến bồi dưỡng nghiệp vụ, hợp tác quốc tế, hội phí, chi văn phòng, bảo hiểm, phúc lợi và chi phí hành chính của bộ máy quản lý Hội.

Điều 23: Tài chính của Hội được quản lý theo qui định của Ban chấp hành Trung ương Hội trên cơ sở tuân thủ các chế độ chính sách tài chính - kế toán của Nhà nước. Tiền nhàn rỗi của Hội (nếu có), kể cả ngoại tệ được phép gửi tiết kiệm nhằm tăng thêm cho quỹ Hội.

Điều 24: Khi Hội hoặc tổ chức của Hội giải tán, phải kiểm kê tài sản, quỹ của Hội hoặc tổ chức báo cáo Ban chấp hành Trung ương Hội xử lý theo qui định của Pháp luật.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25: Điều lệ này gồm 7 chương, 26 điều, đã được đại hội thông qua ngày 3 tháng 12 năm 2002 và có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 26: Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội mới có quyền bổ sung và sửa đổi điều lệ ./.